

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-ST  
Ngày: 17 – 8 – 2022  
V/v tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng  
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Kiên Hươ

Bà Tăng Thị Bạch Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Luyến-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2022/QĐST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Văn H, sinh năm 1959 và Đỗ Thị M, sinh năm 1960, cùng địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Bà Trần Bửu Ng, sinh năm 1974, địa chỉ: Số Y, Quốc lộ 1A, Khóm X, Phường V, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị Mỹ N (tên gọi khác Trần Mỹ N), sinh năm 1968, địa chỉ: Số 78, Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Châu Thị P và ông Trần Tấn T, cùng địa chỉ: Ấp A, xã A (nay thuộc ấp A 2, thị trấn K), huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo Đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Phan Văn H và Đỗ Thị M thống nhất trình bày:*

Ngày 10/9/2013, Bà Trần Thị Mỹ N và Bà Châu Thị P có làm giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà 03 công đất ruộng tầm 3 mét với giá 42 chỉ vàng 24K, đối với Thửa đất số 109; Tờ bản đồ 20; Diện tích 4.162,9m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Bà N đứng tên.

Hợp đồng chuyển nhượng có sự chứng kiến của ông Huỳnh Văn Tr, Trưởng ban nhân dân ấp X, xã K.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc Bà Trần Thị Mỹ N tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để ông, bà đến Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Kế Sách làm thủ tục tách thửa theo quy định của pháp luật.

*\*Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, ngoại trừ các đương sự vắng mặt. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **- Về tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể yêu cầu công nhận công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng (Giấy chuyển nhượng đất) ngày 10/9/2013, đối phần đất có diện tích 3.922,1m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế), tại thửa 109, tờ bản đồ 20, tọa lạc tại Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CN 592653 do Ủy ban nhân dân huyện

Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/01/2019 cho Bà Trần Thị Mỹ N. Buộc Bà N phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa, sang tên cho nguyên đơn. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**- Về nội dung:**

[3] Phần đất đang tranh chấp, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022, thuộc một phần thửa 109, tờ bản đồ 20, toạ lạc tại Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CN 592653 do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/01/2019 cho Bà Trần Thị Mỹ N, có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh Hai N, có số đo: 85,29m.

- Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn Tr, có số đo: 23,27m; Giáp đất ông Trần Văn V, có số đo: 11,87m + 21,62m + 20,02m + 12,51m.

- Hướng Nam giáp đất Bà Trần Thị Mỹ N (phần còn lại của Thửa 109), có số đo: 44,67m.

- Hướng Bắc giáp đất ông Dương Đồng T, có số đo: 46,79m.

Diện tích 3.922,1m<sup>2</sup>. Hiện trạng là đất vườn trồng cây ăn trái (Bưởi da xanh và Dừa), các vị trí giáp ranh đều có trụ đá hiện hữu.

[4] Theo hai công văn số 73/VPĐKĐĐ-CNKS, ngày 20/4/2022 và số 111/VPĐKĐĐ-CNKS, ngày 18/5/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Qua kiểm tra, đối chiếu, rà soát hồ sơ địa chính đang khai thác, sử dụng và lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Kế Sách cho thấy thửa đất số 109, tờ bản đồ 20, diện tích 4.162,9m<sup>2</sup>, loại đất LUA, Bà Trần Thị Mỹ N đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 592653 do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 09/01/2019 và không có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh.

[5] Theo Công văn số 202/CV-NHN<sub>o</sub>KS, ngày 24/5/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển X-Chi nhánh huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Bà Trần Thị Mỹ N, hiện không có vay nợ tại Agribank Chi nhánh huyện Kế Sách-Sóc Trăng. Do đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 592653, thửa đất số 109, bản đồ 20, diện tích 4.162,9m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho Bà N, hiện cũng không có thế chấp tại Ngân hàng. Agribank Chi nhánh huyện K thông báo đến Tòa án nhân dân huyện Kế Sách biết, làm căn cứ giải quyết theo quy định.

[6] Căn cứ vào Giấy chuyển nhượng đất ngày 10/9/2013, có sự chứng kiến của ông Huỳnh Văn Tr-Trưởng ban nhân dân ấp X, thể hiện nội dung: Bà Trần Thị Mỹ N, cư ngụ tại ấp X, xã K, và mẹ của Bà N (Bà Châu Thị P) có chuyển nhượng cho vợ chồng Ông Phan Văn H và Đỗ Thị M 03 công đất ruộng tầm 3 mét với giá 42 chỉ vàng 24K.

[7] Theo Tờ giao nhận vàng ngày 10/01/2014, thể hiện Bà Châu Thị P và Trần Thị Mỹ N nhận của vợ chồng Ông Phan Văn H và Đỗ Thị M số vàng chuyển nhượng đất hai lần tổng cộng 38 chỉ vàng 24K, 04 chỉ vàng 24K còn lại, Ông H cũng đã trả xong cho Bà N, theo hai biên nhận mà bà M cung cấp tại phiên tòa.

[8] Theo Biên bản xác minh ngày 14/7/2022, ông Huỳnh Văn Tr-Trưởng ban nhân dân Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Vào ngày 10/9/2013, ông biết việc vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H có làm giấy tay nhận chuyển nhượng của Bà Trần Thị Mỹ N một phần đất ruộng diện tích 03 công tầm 03m, nằm cặp kênh Hai N, đất tọa lạc tại Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, giá chuyển nhượng đất là 42 chỉ vàng 24K, ông cũng biết hai bên đã giao nhận vàng và đất với nhau xong, nhưng Bà N không chịu giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa sang tên cho vợ chồng bà M, Ông H. Ông biết rõ việc này vì ông có ký tên chứng kiến trong Giấy tay sang bán đất và lúc đó ông là Trưởng ban nhân dân ấp X, xã K.

[9] Xét thấy, khi thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất nêu trên, thì Bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hình thức chuyển quyền sử dụng đất chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005, cụ thể *“Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật”*.

[10] Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng, nguyên đơn đã trả xong vàng cho bị đơn và đã nhận đất canh tác, cải tạo lại thành đất vườn trồng cây lâu năm (Dừa và Bưởi) trên toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng, bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/01/2019 và cũng không phản đối việc nguyên đơn sử dụng đất, theo quy định tại các điểm b.2 và b.3, Tiểu mục 2.3, Mục 2, Phần II, Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hướng dẫn về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập từ sau ngày 15/10/1993:

*[10.1] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tại thời điểm giao kết vi phạm các điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nhưng sau đó đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .... và từ ngày 01/7/2004 mới có yêu cầu Tòa án giải quyết, thì không coi là hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện này.*

*[11.2] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện về hình thức, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Tòa án công nhận hợp đồng.*

[11] Mặt khác, theo quy định mới hiện nay về giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức, thì giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực (Khoản 1 Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015).

[12] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định nêu trên và khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 (nay được quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy chuyển nhượng đất) ngày 10/9/2013, giữa vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H với Bà Trần Thị Mỹ N, đối với phần đất có diện tích 3.922,1m<sup>2</sup>, tại thửa 109, tờ bản đồ 20, toạ lạc tại Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là hợp pháp. Buộc các bên phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, cụ thể buộc Bà N phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa, sang tên cho vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H. Vợ chồng bà M, Ông H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất này.

[13] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiếp tục thực hiện hợp đồng này, cụ thể phải chịu 300.000 đồng.

[14] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 8.430.000 đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H không phải chịu. Buộc Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 8.430.000 đồng, do vợ chồng bà M, Ông H đã nộp tạm ứng trước số tiền này, cho nên Bà N phải trả lại cho vợ chồng bà M, Ông H số tiền này.

[15] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 93, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 7 Điều 166, khoản 2 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Các điều 697, 699, 700, 701, Điều 702 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các điểm b.2 và b.3, Tiểu mục 2.3, Mục 2, Phần II, Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị M và Ông Phan Văn H đối với bị đơn Bà Trần Thị Mỹ N, về việc tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy chuyển nhượng đất) ngày 10/9/2013, giữa vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H với Bà Trần Thị Mỹ N, đối với phần đất có diện tích 3.922,1m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế), tại thửa 109, tờ bản đồ 20, tọa lạc tại Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CN 592653 do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/01/2019 cho Bà Trần Thị Mỹ N, là hợp pháp, phần đất này số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh Hai N, có số đo: 85,29m.

- Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn Tr, có số đo: 23,27m; Giáp đất ông Trần Văn V, có số đo: 11,87m + 21,62m + 20,02m + 12,51m.

- Hướng Nam giáp đất Bà Trần Thị Mỹ N (phần còn lại của Thửa 109), có số đo: 44,67m.

- Hướng Bắc giáp đất ông Dương Đồng T, có số đo: 46,79m.

Diện tích 3.922,1m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc hai bên trong hợp đồng là vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H với Bà Trần Thị Mỹ N phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy chuyển nhượng đất) ngày 10/9/2013, cụ thể: Buộc Bà N phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CN 592653 do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/01/2019, để làm thủ tục tách thửa, sang tên cho vợ chồng bà Đỗ Thị M, Ông Phan Văn H, đối với phần đất diện tích 3.922,1m<sup>2</sup>, tại Thửa 109 nêu trên. Vợ chồng bà M, Ông H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất này.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng bà M, Ông H không phải chịu và được nhận lại tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng, theo hai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001534 và 0001535, cùng ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Vợ chồng bà M, Ông H không phải chịu. Buộc Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 8.430.000 đồng, do vợ chồng bà M, Ông H đã nộp tạm ứng trước số tiền này, cho nên Bà N phải trả lại cho vợ chồng bà M, Ông H số tiền 8.430.000 đồng.

6. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Vinh Thắng**